

**TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

PV.

1. Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Bộ thành lập theo quyết định số 7204/QĐ-BGD\_ĐT-KHCN ngày 15.12.2003, đã họp ngày 7.1.2004 đánh giá đề tài "*Phương pháp điện từ trong thử nghiệm khoa học kỹ thuật, y học và địa vật lý*", mã số: B.2002.23.01, chủ nhiệm TS.Nguyễn Cam. GS.TS. Đặng Đình Ánh phản biện đã đưa ra nhận xét: Tác giả đề cập đến bài toán tìm ra các vết nứt trong vật thể rắn bằng phương pháp điện từ. Bài toán đặt ra là tìm các lỗ hổng bên trong miền trong không gian  $R^3$  có biên ngoài cho trước và tìm một hàm  $u$  thỏa phương trình đạo hàm riêng thỏa điều kiện elliptic và thỏa một số điều kiện biên hỗn hợp. Bài toán trên một cách tổng quát là không duy nhất nghiệm. Chứng minh được trình bày chặt chẽ sáng tạo. Đề tài được Hội đồng đánh giá Tốt.
2. Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Bộ thành lập theo quyết định số 7204/QĐ-BGD\_ĐT-KHCN ngày 15.12.2003, đã họp ngày 8.1.2004 đánh giá đề tài "*Quan hệ trật tự địa phương và thế màn chắn trong plasma*", mã số: B.2002.23.13, chủ nhiệm TS.Đỗ Xuân Hội, khoa Vật lý. Đề tài hoàn thành với trình độ khoa học cao, và những gì mà tác giả thu được là mới trong danh mục công trình khoa học về vật lý plasma được công bố ở Việt Nam, là tài liệu tham khảo và hướng dẫn sinh viên và học viên sau đại học nghiên cứu. Đề tài được Hội đồng đánh giá Tốt.
3. Ngày 8.1.2004, *Hội nghị nâng cao chất lượng đào tạo khoa Hoá* tổ chức có 47 cán bộ của khoa tham dự. Hội nghị đã được nghe 8 báo cáo được chọn trong 33 tham luận gửi đến hội nghị với nội dung: giảng dạy và học tập môn hóa học ở đại học; những kinh nghiệm dạy hóa học ở trung học phổ thông và các thông tin về hóa học. Trong kỹ yếu đã có 6 bài viết về công tác thực hành thí nghiệm; 3 bài báo cáo NCKH; 7 bài phương pháp giảng dạy đại học và phổ thông trung học; 3 bài về thông tin khoa học; 14 bài về nghiên cứu cơ bản. Hội nghị là dịp trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu giữa các cán bộ trong khoa.

4. Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Trường thành lập theo quyết định số 13/DHSP/KHCN-SĐH ngày 05.01.2004, đã họp ngày 10.01.2004 đánh giá đề tài ***"Thiết lập hệ thống băng hình, hình ảnh trong giảng dạy Địa lý ở các Trường Đại học và Cao đẳng"***, mã số CS2000-12, chủ nhiệm ThS. Tạ Thị Ngọc Bích, Khoa Địa lý. Đề tài có tính khả thi cao, có thể ứng dụng được ngay (ở phổ thông, cao đẳng, đại học) để phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy học và đa dạng hóa các hình thức dạy học. Đề tài được hội đồng đánh giá Khá.
  
5. Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Bộ thành lập theo quyết định số 7856/QĐ-BGDĐT-KHCN ngày 26.12.2003, đã họp ngày 13.1.2004 đánh giá đề tài ***"Thực trạng đội ngũ giáo viên dạy Sử trường phổ thông trung học khu vực miền đông Nam Bộ"***, mã số: B.2000.23.27, chủ nhiệm TS.Ngô Minh Oanh, khoa Lịch Sử. Đề tài đã nêu lên thực trạng giáo viên dạy môn Lịch sử, kiến nghị đưa ra giải pháp để bồi dưỡng đội ngũ giáo viên phổ thông trung học đáp ứng được yêu cầu xây dựng đội ngũ giáo viên trong thời kỳ đổi mới. Đề tài được Hội đồng đánh giá Tốt.
  
6. Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Bộ thành lập theo quyết định số 7857/QĐ-BGDĐT-KHCN ngày 26.12.2003, đã họp ngày 13.01.2004 đánh giá đề tài ***"Thực trạng dạy và học Tâm lý học và Giáo dục học tại Trường Đại học Sư phạm Tp.HCM"***, mã số B2001.23.21, chủ nhiệm TS. Đoàn Văn Điều, khoa Tâm lý Giáo dục. Công trình có nhiều ưu điểm và có giá trị tham khảo tốt cho giới nghiên cứu trong và ngoài ngành giáo dục. Đề tài được Hội đồng đánh giá Khá.
  
7. Hội đồng nghiệm thu đề tài KHCN cấp Bộ thành lập theo quyết định số 549/QĐ-BGDĐT-KHCN ngày 06.02 .2004, đã họp ngày 18.02.2004 đánh giá đề tài ***"Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ (những vấn đề lý thuyết cơ bản và một số nghiên cứu cụ thể trên cấu liệu tiếng Việt và một số ngôn ngữ Châu Âu)"***, mã số: B.2001.23.07, chủ nhiệm TS.Bùi Mạnh Hùng, khoa Ngữ Văn. Đề tài hoàn thành với trình độ khoa học cao, đề tài có thể in thành sách làm tài liệu tham khảo cho sinh viên và học viên sau đại học. Đề tài được Hội đồng đánh giá Tốt.
  
8. Trong các ngày từ 18 đến 20.02.2004, Trường DHSP Tp.HCM phối hợp với Viện Toán học đã tổ chức hội thảo Toán học quốc tế Việt Nam – Hàn Quốc với chủ đề ***"Lý thuyết tối ưu và ứng dụng"***. Nằm trong khuôn khổ hợp tác, nghiên cứu giảng dạy Toán học giữa các nhà Khoa học Việt Nam

và Hàn Quốc, Hội thảo này được tổ chức 2 năm một lần, lần lượt tại Việt Nam và Hàn Quốc. Đây là Hội thảo lần thứ 4 được tổ chức tại Trường ĐHSPTP.HCM với sự tham dự của trên 100 đại biểu là các GS, TS, NCS thuộc các viện nghiên cứu, Trường ĐH, CĐ của Hàn Quốc, Pháp và các tỉnh thành trong cả nước. Trong 3 ngày Hội thảo các đại biểu đã nghe và thảo luận 38 báo cáo, tham luận trình bày những vấn đề liên quan đến nhiều chuyên ngành toán học và khoa học, cũng như đóng góp thực tế cho việc phát triển và những ứng dụng tối ưu trên lĩnh vực toán học.

9. Hội thảo khoa học ***“Xây dựng và phát triển Hội đồng trường ở các trường đại học Việt Nam”*** do Viện Nghiên cứu Giáo dục Trường ĐHSPTP.HCM kết hợp với Trung tâm đào tạo khu vực Seameo tại Việt Nam tổ chức vào ngày 20.02.2004 dưới sự chủ tọa của GS.TSKH. Lê Ngọc Trà, PGS.TS. Đỗ Duy Thịnh, GS.TS. Phạm Phú. Đã có 60 đại biểu là Hiệu trưởng, Hiệu phó các trường đại học, đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học quốc gia đến dự. Hội thảo đã được nghe 3 báo cáo và 15 ý kiến phát biểu tham luận xoay quanh các vấn đề cơ cấu tổ chức, điều kiện, quy chế, quy trình thành lập Hội đồng trường ở các trường đại học Việt Nam. Các đại biểu thống nhất quan điểm việc thành lập Hội đồng trường là cần thiết, cần thử nghiệm và kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo để ra các văn bản hướng dẫn thành lập và hoạt động cho phù hợp với thực tiễn giáo dục Việt Nam.
10. Hội đồng nghiệm thu đề tài KHCN cấp Bộ thành lập theo quyết định số 517/QĐ-BGD & ĐT-KHCN ngày 03.02.2004, đã họp ngày 24.02.2004 đánh giá đề tài ***“Tìm hiểu thực trạng hiệu quả đào tạo và sử dụng giáo viên dạy một số môn khoa học tự nhiên ở trung học phổ thông của một số trường đại học sư phạm phía Nam”***, mã số: B.2001.23.17, chủ nhiệm CNV.Nguyễn Văn Huyền, Viện NCGD. Đề tài nêu lên thực trạng đào tạo giáo viên và đưa ra kiến nghị trong công tác tổ chức đào tạo. Đề tài được Hội đồng đánh giá Khá.
11. Hội đồng nghiệm thu đề tài KHCN cấp Bộ thành lập theo quyết định số 514/QĐ-BGD & ĐT-KHCN ngày 02.02.2004, đã họp ngày 25.02.2004 đánh giá đề tài ***“Nghiên cứu biện pháp khắc phục một số khó khăn thường gặp trong quá trình hình thành khái niệm số tự nhiên ở học sinh lớp 1 theo chương trình tiểu học 2000”***, mã số: B.2001.23.18, chủ nhiệm ThS. Trương Công Thanh, Viện NCGD. Đề tài đưa những kết luận về mặt tâm lý tiếp nhận đối với học sinh lớp một khi học những khái

niệm số tự nhiên, đồng thời đề xuất một số phương pháp trong quá trình giảng dạy. Đề tài được Hội đồng đánh giá Tốt.

2. Hội đồng nghiệm thu đề tài KHCN cấp Bộ thành lập theo quyết định số 514/QĐ-BGD & ĐT-KHCN ngày 02.02.2004, đã họp ngày 26.02.2004 đánh giá đề tài *“Thực trạng đội ngũ giáo viên dạy trẻ khuyết tật ở một số tỉnh phía Nam và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo”*, mã số: B.2001.23.19, chủ nhiệm CN. Nguyễn Hữu Chùy, Viện NCGD. Đề tài đã nêu thực trạng giáo viên khuyết tật hiện nay còn thiếu và chưa được đào tạo chính quy, đồng thời kiến nghị Bộ GD\_ĐT cần có đầu tư kinh phí, chế độ chính sách cho đội ngũ giáo viên ngành Giáo dục Đặc biệt. Đề tài được Hội đồng đánh giá Tốt.
3. Ngày 24.3.2004 đoàn công tác của Vụ Khoa học Công nghệ Bộ Giáo dục và Đào tạo dưới sự chủ tọa của Phó Vụ Trưởng Vụ khoa học công nghệ TS. Ninh Đức Nhận đã làm việc với trường ĐHSP Tp.HCM về công tác thực hiện và triển khai khoa học công nghệ và môi trường. Ngoài việc cấp bổ kinh phí cho hoạt động khoa học công nghệ trong năm, Vụ nhấn mạnh Trường cần đẩy mạnh gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo, chuyển giao công nghệ phục vụ cho sản xuất, đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu, đưa ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Vụ Khoa học công nghệ nhấn mạnh hướng nghiên cứu đề tài về phát triển Giáo dục năm nay, Bộ không giao trực tiếp đề tài trọng điểm cấp Bộ cho Trường, mà thông qua đặt hàng của Ban chủ nhiệm chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ thuộc Viện Chiến lược và Chương trình sẽ xét giao nhiệm vụ trên cơ sở tuyển chọn thuyết minh của các đơn vị. Trong buổi làm việc, lãnh đạo Trường đã báo cáo một số hoạt động nổi bật NCKH trong năm 2003, công tác triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ năm 2004, kết quả chính đạt trong năm 2003.

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ TRỌNG ĐIỂM NĂM 2003-2005**

STT	Tên đề tài, mã số	Chủ nhiệm đề tài, Cơ quan chủ trì	Mục tiêu và nội dung chính	Dự kiến kết quả đạt được
1	Thực trạng và giải pháp phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi vùng dân tộc Khơme đồng bằng sông Cửu Long.  MS: B2003.23.55	Nguyễn Ngọc Tài,  Viện NCGD.	Tìm hiểu thực trạng, đề ra giải pháp phổ cập tiểu học.	Báo cáo khoa học.
2	Xây dựng hệ thống trường cao đẳng công đồng ở các tỉnh phía Nam.  MS: B2003.23.56	PGS.TS Đào Trọng Hùng,  Viện NCGD.	Đánh giá kết quả hoạt động của các viện đại học cộng đồng; nghiên cứu so sánh giống và khác nhau đặc điểm bản chất của các trường.	Báo cáo khoa học.
3	Giải pháp để hoàn thành phổ cập THCS vùng ngập lũ tỉnh Đồng Tháp.  MS: B2003.23.57	TS. Nguyễn Thị Quy,  Viện NCGD.	Thực trạng giảng dạy của giáo viên THPT.	Báo cáo khoa học.

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ NĂM 2003**

STT	Tên đề tài, mã số	Chủ nhiệm đề tài, Cơ quan chủ trì	Mục tiêu và nội dung chính	Dự kiến kết quả đạt được
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Dạy tác giả, tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam (1930 – 1945) ở trường ĐHSP và trường PTTH. MS: B2003.23.42	TS. Nguyễn Thành Thi.  Khoa Ngữ văn.	Góp nâng cao chất lượng dạy học văn học hiện đại, tác giả, tác phẩm chủ yếu ở trường ĐHSP và THPT.	Báo cáo khoa học.
2	Vấn đề tiếp nhận thơ Tagore ở Việt Nam.  MS: B2003.23.43	TS. Nguyễn Thị Bích Thủy.  Khoa Ngữ văn.	Điều tra, khảo sát, thống kê tình hình dạy và học thơ Tagore trong nhà trường. Tổng kết đánh giá phương pháp dạy và học có hiệu quả nhất ở từng cấp học.	Sách tham khảo.
3	Sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học Địa lý ở trường THPT.  MS: B2003.23.44	ThS. Nguyễn Văn Layện.  Khoa Địa lý.	- Sử dụng các chương trình và phần mềm máy vi tính trong dạy học Địa lý ở trường PTTH. - Sử dụng máy vi tính theo các phương pháp dạy học tích cực.	- Báo cáo khoa học. - Bộ đĩa.
4	Vấn đề tha hóa lao động trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa ở Việt Nam.  MS: B2003.23.45	TS. Bùi Thị Xuyến.  Khoa GDCT.	Làm rõ nguồn gốc, điều kiện tồn tại và biểu hiện của tha hoá lao động trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa, từ đó tìm ra biện pháp để giảm dần và khắc phục tha hóa lao động ở nước ta.	Báo cáo khoa học.
5	Vai trò của hình vẽ trong giảng dạy học Hình học không gian ở bậc THPT.  MS: B2003.23.46	TS. Đoàn Hữu Hải.  P. Đào tạo.	- Làm rõ vai trò của “hình vẽ” trong dạy học môn Hình học không gian ở trường PTTH. - Nghiên cứu các phương pháp biểu diễn hình học từ đó phân tích phương pháp biểu diễn được lựa chọn và dạy trong các trường PTTH. - Góp phần bổ sung, hoàn thiện một bước đối với việc dạy học bộ môn Hình học không gian.	Báo cáo khoa học.

6	<p>Sách giáo khoa Hình học thí điểm ở trường THPT nhìn từ quan điểm khoa học luận và didactic.</p> <p>MS: B2003.23.47</p>	<p>TS. Lê Thị Hoài Châu.</p> <p>Khoa Toán – Tin học.</p>	<p>Từ quan điểm khoa học luận và được đặt trong phạm vi lý thuyết nhân chủng học (Anthropologie) nghiên cứu tìm hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đặc trưng khoa học luận của những tri thức có mặt trong chương trình HH lớp 10 và lớp 12.</li> <li>– Đặc trưng của quan hệ thể chế đối với những tri thức đó.</li> <li>– Ảnh hưởng của sự lựa chọn thể chế đến việc dạy học HH lớp 10, 12.</li> </ul>	Báo cáo khoa học.
7	<p>Chế tạo và khảo sát sơn epoxy chống ăn mòn trên cơ sở các hệ bột màu: Oxyt sắt, photphat kẽm, cromat kẽm, cromat chì và bột kẽm.</p> <p>MS: B2003.23.48</p>	<p>ThS. Huỳnh Thị Cúc.</p> <p>Khoa Hóa học.</p>	<p>Sản xuất được các loại sơn epoxy có tính chống ăn mòn cao mà không phải phụ thuộc vào các nguồn chất đóng rắn từ nước ngoài.</p>	Báo cáo khoa học.
8	<p>Nghiên cứu nội dung, phương pháp đào tạo sinh viên sư phạm và bồi dưỡng giáo viên hoá học sử dụng tin học và công nghệ thông tin trong dạy học hoá học ở THPT.</p> <p>MS: B2003.23.49</p>	<p>TS. Lê Trọng Tín.</p> <p>Khoa Hóa học.</p>	<p>Làm cho sinh viên sư phạm khoa Hóa học và giáo viên hóa học trung học phổ thông biết sử dụng tin học và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng công việc của mình.</p>	Báo cáo khoa học.
9	<p>Tìm hiểu thực trạng và đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ĐHSP tại trường THPT.</p> <p>MS: B2003.23.50</p>	<p>Nguyễn Văn Huyền.</p> <p>Viện NCGD.</p>	<p>Tìm hiểu thực trạng dạy học của giáo viên. Đề xuất giải pháp nâng cao giáo dục nghiệp vụ cho sinh viên.</p>	Báo cáo khoa học.

10	<p>Giáo dục cảm xúc trong một thế giới duy lý.</p> <p>MS: B2003.23.51</p>	<p>TS. Nguyễn Ngọc Thanh.</p> <p>Viện NCGD.</p>	<p>Góp phần tìm hiểu tư duy cảm xúc của học sinh Việt Nam (điều tra - đo lường thực trạng). Đề ra giải pháp tăng cường tính hiệu quả trong giáo dục cảm xúc cho học sinh.</p>	Báo cáo khoa học.
11	<p>Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả quá trình giáo dục hòa nhập cho trẻ khiếm thính tại Tp. HCM.</p> <p>MS: B2003.23.52</p>	<p>ThS. Đào Thị Vân Anh.</p> <p>Viện NCGD.</p>	<p>Đánh giá thực trạng quá trình giáo dục hội nhập cho trẻ khiếm thính tại các trường ở Tp. HCM.</p> <p>Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục hội nhập cho trẻ khiếm thính.</p>	Báo cáo khoa học.
12	<p>Năng lực khái quát hóa của học sinh lớp 5 ở Tp. HCM.</p> <p>MS: B2003.23.53</p>	<p>ThS. Trương Công Thanh.</p> <p>Viện NCGD.</p>	<p>Tìm hiểu thực trạng khái quát hoá.</p> <p>Đề xuất phương pháp giảng dạy.</p>	Báo cáo khoa học.
13	<p>Mô hình mới chương trình đào tạo giáo viên Anh văn PTTH.</p> <p>MS: B2003.23.54</p>	<p>ThS. Phạm Tấn.</p> <p>Khoa Anh văn.</p>	<p>Phục vụ cho 2 khâu chính trong cải tiến cách dạy và học tiếng Anh ở PTTH:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cải tiến sách giáo khoa PTTH.</li> <li>2. Cải tiến phương pháp dạy và học tiếng Anh ở PTTH.</li> </ol>	Báo cáo khoa học.



## DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2003

STT	Mã số, tên đề tài.	CQ chủ trì, CNDT.	Mục tiêu và nội dung chính.	Dự kiến kết quả.
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Về cách dạy và dịch ý nghĩa thời gian giữa hai ngôn ngữ Việt - Nga.  CS.2003.23.30	ThS. Phan Thị Minh Thúy.  Khoa Ngữ văn.	- Trình bày một cách hệ thống những quan niệm của ngữ pháp và đại cương về thì (tense) và thể (aspect) trong cách nói về thời gian, lấy đó làm căn cứ đối sách giữa hai ngôn ngữ. - Miêu tả, so sánh ý nghĩa thời gian trong Tiếng Nga và Tiếng Việt từ phương diện điển đạt. - Dựa vào kết quả này làm sáng tỏ những đặc điểm loại hình của mỗi thứ tiếng, ứng dụng trong việc biên soạn sách giáo khoa.	Báo cáo khoa học.
2	Về chương trình và tài liệu dạy học "Từ loại tiếng Việt" ở trường phổ thông và trường sư phạm.  CS.2003.23.31	TS. Nguyễn Thị Ly Kha.  Khoa GDTH.	- Xây dựng nội dung chương trình học phần "Từ loại tiếng Việt" cho khoa đào tạo giáo viên giảng dạy bộ môn tiếng Việt ở nhà trường phổ thông. - Chuẩn bị biên soạn tài liệu tham khảo, giáo trình dạy học phần "Từ loại tiếng Việt".	Báo cáo khoa học.
3	Khảo sát hoạt động giáo dục tập thể và giáo dục lao động trong tình hình hiện nay tại các trường giáo dưỡng.  CS.2003.23.32	ThS. Võ Thị Bích Hạnh.  Khoa TLGD.	- Khảo sát hoạt động giáo dục tập thể và hoạt động giáo dục lao động ở các trường giáo dưỡng. - Đề ra những biện pháp giáo dục nhằm làm cho hoạt động giáo dục tập thể và giáo dục lao động tại trường giáo dưỡng đạt kết quả tốt hơn.	Báo cáo.
4	Thực trạng sử dụng hệ thống bài tập thực hành môn Giáo dục học nhằm rèn luyện năng lực chức hoạt động giáo dục cho sinh viên ở một số trường đại học sư phạm.  CS.2003.23.54	ThS. Trần Thị Hương.  Khoa TLGD.	Đánh giá thực trạng việc sử dụng hệ thống bài tập thực hành trong quá trình dạy học Giáo dục học từ đó đề xuất phương hướng xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực hành một cách có hiệu quả nhằm rèn luyện năng lực tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên sư phạm.	Báo cáo.

5	<p>Tìm hiểu vai trò của hoạt động Đoàn đối với việc hình thành những phẩm chất và năng lực nghề giáo trong sinh viên trường ĐHSP.</p> <p>CS. 2003.23.33</p>	<p>ThS. Võ Thị Hồng Trức. Khoa TLGD.</p>	<p>Khảo sát yêu cầu xã hội và tiến trình giáo dục về năng lực phẩm chất giáo viên hiện nay, xác định mối quan hệ; xác định vai trò hoạt động Đoàn.</p>	Báo cáo.
6	<p>Vấn đề đạo đức trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>CS.2003.23.34</p>	<p>ThS. Lê Thanh Hà.  Khoa GDCT.</p>	<p>Làm rõ các quan niệm, quan điểm mới về đạo đức trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa và tìm ra các biện pháp xây dựng một lớp công dân mới với thang giá trị đạo đức mới phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường Việt Nam.</p>	Báo cáo khoa học.
7	<p>Phân hoạch xích đối xứng tập tất cả các tập con của tập n phần tử và phân hoạch xích tăng tập các tập con hữu hạn của tập số tự nhiên N.</p> <p>CS.2003.23.35</p>	<p>TS. Trần Huyền.  Khoa Toán – Tin học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu tri thức, kết quả khoa học mới.</li> <li>- Xác lập các hướng nghiên cứu, tìm kiếm các mảng đề tài nghiên cứu cho các học viên cao học và nghiên cứu sinh ngành Đại số.</li> </ul>	Báo cáo khoa học.
8	<p>Phát triển và phổ biến hỗ trợ tiếng Việt cho hệ chế bản TeX.</p> <p>CS.2003.23.36</p>	<p>TS. Hàn Thế Thành.  Khoa Toán – Tin học.</p>	<p>Xây dựng Font chữ có chất lượng cao cho tiếng Việt. Phát triển và phổ biến các hỗ trợ tiếng Việt cho TeX đến người dùng.</p>	Báo cáo khoa học.
9	<p>Nghiên cứu một số tính chất cơ học của không thời gian quanh lỗ đen quay.</p> <p>CS.2003.23.37</p>	<p>Lê Nam. Khoa Vật lý.</p>	<p>Từ phương trình Einstein tìm ra nghiệm mô tả không – thời gian quanh lỗ đen.</p>	Báo cáo khoa học.
10	<p>Nghiên cứu chuyển hoá Limonen trong tinh dầu ở Việt Nam.</p> <p>CS.2003.23.38</p>	<p>ThS. Nguyễn Tiến Công. Khoa Hóa học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp khoảng 8 – 10 chất trong đó 5 – 6 chất mới.</li> <li>- Nghiên cứu cấu trúc và các tính chất vật lý của các chất tổng hợp được.</li> <li>- Thẩm dò hoạt tính sinh hoạt.</li> </ul>	Báo cáo.

11	Đánh giá thành quả học tập của sinh viên đối với bộ môn Hoá đại cương bằng hình thức trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn.  CS.2003.23.39	ThS. Võ Thị Hồng Tịnh.  Khoa Hóa học.	Khảo sát việc xây dựng và đánh giá chất lượng hệ thống các câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn trong quá trình thi kiểm tra môn Hoá đại cương.	Báo cáo.
12	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để xây dựng mô hình phòng giảng dạy bộ môn Vật lý.  CS.2003.23.40	CN. Lê Nguyễn Trung Nguyên.  Viện NCGD.	Ứng dụng máy vi tính và công cụ kỹ thuật vào việc xây dựng mô hình giảng dạy bộ môn vật lý.	Hoàn thành mô hình lý thuyết.
13	Giáo dục nghệ thuật cho trẻ em câm điếc.  CS.2003.23.41	NCV. Lê Anh Cường.  Viện NCGD.	- Định hướng giáo dục nghệ thuật. - Đề xuất phương pháp giáo dục tư duy cho trẻ.	Báo cáo khoa học.
14	Tìm hiểu thực trạng giảng dạy môn Toán lớp I theo SGK lối 1 tại TP. HCM.  CS.2003.23.42	CN. Phan Đào Việt Long.  Viện NCGD.	Tìm hiểu thực trạng và đề ra giải pháp, đánh giá chương trình giảng dạy Toán lớp I tiểu học theo giáo trình SGK 2000.	Báo cáo khoa học.
15	Tìm hiểu thực trạng và các giải pháp định hướng về nhu cầu tư vấn học đường ở các trường THCS trong TP. HCM hiện nay.  CS.2003.23.43	CN. Võ Thị Tích.  Viện NCGD.	Tìm hiểu thực trạng về nhu cầu tư vấn học đường ở các trường THCS hiện nay. Đề xuất những giải pháp định hướng có khả thi cho việc tư vấn học đường ở các trường trong TP. HCM hiện nay.	Báo cáo ứng dụng.
16	Bộ đề thi môn nói (Functions of English).  CS.2003.23.44	ThS. Tạ Thị Thanh Huyền. Mr Eva Taplin.  Khoa Anh văn.	- Làm phong phú thêm bộ đề. - Tránh sự không công bằng trong thi cử và đánh giá học sinh không chính xác. - Thay đổi cách dạy và học của học sinh PTTH theo yêu cầu của Bộ.	Báo cáo.
17	Tài liệu đọc thêm môn Ngôn ngữ - Xã hội học.  CS.2003.23.45	ThS. Ngô Thị Xuân Liên.  Khoa Anh văn.	Nhằm cung cấp cho sinh viên năm 4 bài đọc thêm để mở rộng kiến thức cho môn Xã hội Ngôn ngữ học.	In sách.

18	Cải tiến chương trình bộ môn lý thuyết tiếng Anh. CS.2003.23.55	ThS. Ngô Thị Thanh Vân. Khoa Anh văn.	Nhằm cải tiến chương trình và cung cấp cho học sinh hệ thống bài học thêm.	
19	Phương thức đào tạo song ngữ tại khoa Nga văn, ĐHSP TP.HCM Thực trạng và hướng phát triển. CS.2003.23.46	ThS. Nguyễn Đức Quyết. Khoa Nga văn.	Điều tra, đánh giá thực trạng, triển vọng và các hướng phát triển.	Báo cáo.
20	Về cách dạy và dịch quan hệ nguyên nhân giữa hai ngôn ngữ Nga – Việt. CS.2003.23.47	ThS. Đỗ Thị Huy. Khoa Nga văn.	Giúp người học phân biệt sự khác nhau giữa tiếng Nga và tiếng Việt, từ đó luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đúng ngữ pháp. Biên tập tài liệu “Bài tập ngữ pháp thực hành”.	Báo cáo.
21	Đổi mới phương pháp giảng dạy bộ môn Dịch Hán – Việt, Việt – Hán. CS.2003.23.48	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Thanh. Khoa Trung văn.	- Đề tài này sẽ được ứng dụng trong việc giảng dạy bộ môn Dịch tại các trường đại học và cao đẳng có chuyên ngành Trung văn. - Đề tài này cũng có thể được áp dụng ở các trung tâm dạy tiếng Hoa. - Giúp đào tạo các cán bộ phiên, biên dịch.	Báo cáo.
22	Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Ngữ văn Trung Quốc. CS.2003.23.49	ThS. Phạm Thanh Hằng. Khoa Trung văn.	-- Đề tài này với mục tiêu cơ bản là sẽ đưa vào ứng dụng trong việc giảng dạy tiếng Hán cho sinh viên chuyên ngành Trung văn (từ năm thứ 1 đến năm thứ 4) ở các trường đại học và cao đẳng.	Báo cáo.
23	Hiện trạng và giải pháp về đào tạo chuyên ngành Hán ngữ hiện đại tại trường ĐHSP TP. HCM. CS.2003.23.50	ThS. Giáp Văn Cường. Khoa Trung văn.	- Phản ánh thực tế khách quan về đào tạo sinh viên hệ chính qui của Khoa Trung văn, trường ĐHSP TP. HCM những năm qua. - Đề xuất những giải pháp tích cực để khắc phục tình trạng đào tạo hệ chính qui ngành trung văn như hiện nay.	Báo cáo khoa học.

24	Nghiên cứu thành phần tảo và một số yếu tố môi trường trong một số ao cá tại huyện Bình Chánh, TP. HCM.  CS.2003.23.51	ThS. Trần Ngọc Đức. Khoa Sinh học.	Đánh giá hiện trạng môi trường ảnh hưởng đến năng suất ao nuôi. Đề xuất môi trường nuôi trồng thích hợp trong nghiên cứu và thực tiễn.	Báo cáo khoa học.
25	Nghiên cứu tình trạng phát triển thể chất của sinh viên trường ĐHSP TP. HCM.  CS.2003.23.52	Trần, Trường Sơn. Ngành GDTC.	Điều tra thực trạng thể chất sinh viên và đề ra biện pháp nâng cao thể chất sinh viên.	Báo cáo khoa học.
26	Nghiên cứu sự tăng trưởng kinh tế và vấn đề xóa đói giảm nghèo tỉnh Bến Tre.  CS.2003.23.53	TS. Phạm Thị Xuân Thọ. Khoa Địa lý.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá sự tăng trưởng kinh tế tỉnh Bến Tre.</li> <li>- Nghiên cứu sự phân hóa giàu nghèo và vấn đề giảm nghèo ở Bến Tre.</li> <li>- Phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và vấn đề giảm nghèo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo khoa học.</li> <li>- Bản đồ.</li> </ul>